

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

GS, TSKH PHAN XUÂN SƠN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

2-1-2026

Ngày thẩm định, đánh giá:

6-1-2026

Ngày duyệt đăng:

7-1-2026

Tóm tắt: Đổi mới quan điểm về kinh tế tư nhân trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với các đảng cộng sản nói chung và Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng là một thách thức lớn về bản lĩnh chính trị và tinh thần khoa học, sáng tạo. Quá trình đổi mới quan điểm của Đảng diễn ra tiệm tiến, thận trọng nhưng rõ ràng, chắc chắn và đúng đắn, bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng (1986). 40 năm đổi mới cũng là 40 năm thể hiện bản lĩnh và trí tuệ của Đảng đối với kinh tế tư nhân trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Từ khóa:

Quan điểm của Đảng;
kinh tế tư nhân; 40
năm đổi mới

Hiện nay, khái niệm kinh tế tư nhân (KTTN) vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau và chưa đi tới một sự thống nhất trong một quy định cụ thể. Tuy nhiên, xét về mặt kinh tế học thì KTTN là một thành phần kinh tế của một quốc gia, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, được hình thành và phát triển dựa trên sở hữu của tư nhân về tư liệu sản xuất. Do đó, chủ sở hữu có vai trò quyết định cách thức quản lý và phân phối lợi nhuận.

Về cơ cấu, KTTN tại Việt Nam không phải là một khối đồng nhất mà bao gồm 3 loại hình chính (xếp theo quy mô từ nhỏ đến lớn):

Kinh tế cá thể, tiểu chủ: Có quy mô nhỏ, hoạt động dựa trên vốn và sức lao động của bản thân và gia đình. Trên thực tế, đây là bộ phận “khổng lồ” về số lượng (khoảng 5,2 triệu hộ kinh doanh) và đóng góp lớn nhất vào GDP trong thành phần kinh tế tư nhân (khoảng 30% GDP)¹ nhưng lại là khu vực phi chính thức, năng suất thấp, khó quản lý và thu thuế.

Doanh nghiệp tư nhân: Gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động theo *Luật Doanh nghiệp* (Công ty TNHH, Công ty Cổ phần không có vốn nhà nước). Đây là loại hình kinh tế linh hoạt nhưng thường thiếu vốn và công nghệ.

Các Tập đoàn kinh tế tư nhân lớn: Gồm những doanh nghiệp có quy mô lớn, kinh doanh

đa ngành, có khả năng tích tụ vốn lớn (Ví dụ: Vingroup, Thaco, FPT, Hòa Phát, Masan, Thế giới Di động, Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng, Vinamilk, Sovico,...). Đây có thể gọi là những “sếu đầu đàn”, lực lượng dẫn dắt mới nổi, đóng vai trò tạo dựng thương hiệu quốc gia tiên phong và tự chủ đổi mới công nghệ².

Bên cạnh những loại hình nêu trên, ở Việt Nam, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), là loại hình KTTN, nhưng được tách thành một loại hình riêng, bên cạnh KTTN trong nước. Do đó, khi nói về “Kinh tế tư nhân là động lực quan trọng”, thì là nói về KTTN trong nước.

Có thể thấy sự phát triển quan điểm của Đảng về KTTN trong 40 năm đổi mới qua các kỳ đại hội.

1. Nhận thức lại mô hình kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; kinh tế tư nhân: từ phủ định đến thừa nhận

Trong hơn mười năm cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH (1975-1986), Đảng đã mắc phải những sai lầm, khuyết điểm, trong đó có việc chưa xác định đúng đắn đặc điểm, tính chất, nội dung của thời kỳ quá độ lên CNXH. Cuộc cải tạo XHCN, không những chưa mang lại hiệu quả, mà mô hình “hai thành phần” của nền kinh tế không đủ sức hấp thụ lực lượng lao động dồi dào, chuyển từ chiến đấu và phục vụ chiến đấu sang sản xuất trong thời bình. Hệ quả là cả nước phải đương đầu với một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài.

Nhận thức lại vấn đề thời kỳ quá độ đã được bắt đầu từ Đại hội VI (1986) của Đảng. Trong diễn văn khai mạc Đại hội VI, đồng chí Nguyễn Văn Linh nhận định: “Mười năm qua chúng ta đã trả giá đắt để thu được những hiểu biết và kinh nghiệm ngày nay”³; “Do chưa nhận thức đầy đủ rằng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một

quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường, và do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết”⁴.

Việc xác định sai những bước đi của thời kỳ quá độ dẫn đến những hậu quả rất nghiêm trọng. Đó là không đánh giá đúng vai trò sản xuất hàng hóa và vai trò tự lo sinh kế của người dân, không coi trọng nông nghiệp trong một nước nông nghiệp lạc hậu vừa mới thoát khỏi chiến tranh, nhu cầu về cái ăn, cái mặc thiết yếu là vô cùng lớn và quan trọng. Trong lúc đó công nghiệp nặng lại quá nhỏ yếu, không tạo ra được thu nhập quốc dân, không tạo ra được nguồn vốn tích lũy từ nền kinh tế; cũng không đủ điều kiện để phục vụ cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Việc tập trung xây dựng những công trình có quy mô lớn nhưng không đủ điều kiện và không hiệu quả, dẫn đến nhiều công trình dở dang, vốn ứ đọng, phân tán.

Đại hội VI của Đảng đã có những đánh giá khách quan hơn đối với vấn đề cải tạo XHCN, về thời kỳ quá độ nên trước đây chúng ta “đã có những biểu hiện nóng vội muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi XHCN, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành kinh tế quốc doanh”⁵. Đối với kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ, lại có xu hướng muốn tổ chức ngay các hợp tác xã có quy mô lớn, không tính tới khả năng trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý và năng lực cán bộ. Về nội dung cải tạo XHCN, thường nhấn mạnh việc thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất mà không coi trọng giải quyết các vấn đề tổ chức quản lý và chế độ phân phối. Cách làm thường theo kiểu chiến dịch, gò ép, chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng và hiệu quả, sau những đợt làm nóng vội lại buông lỏng. Do đó nhiều tổ chức kinh tế đã được gọi là công tư hợp doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, chỉ có hình thức, không có thực chất của quan hệ sản xuất mới⁶. Đại hội

VI nhận định: “Trong nhận thức cũng như trong hành động, chúng ta chưa thật sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta còn tồn tại trong một thời gian tương đối dài, chưa nắm vững và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất”⁷.

Nói về nguồn gốc của những sai lầm, khuyết điểm, Đảng cho rằng chúng “bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng, tổ chức và cán bộ* của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân”⁸. Trong lĩnh vực tư tưởng, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ; đã mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hoá, muốn nhanh chóng thực hiện nhiều mục tiêu của CNXH trong điều kiện đất nước mới ở *chặng đường đầu tiên*.

Đại hội VII (1991) của Đảng chủ trương: Để đổi mới đồng bộ nền kinh tế theo cơ chế thị trường, phải đổi mới cơ chế quản lý, cải cách giá cả, chính sách lưu thông, quan hệ kinh tế đối ngoại. Công tác kế hoạch hoá đã chuyển từ kế hoạch pháp lệnh sang kế hoạch định hướng là chủ yếu, bước đầu sử dụng các đòn bẩy kinh tế, cải cách hệ thống thuế, mở rộng quyền chủ động tài chính, thu hẹp các khoản đầu tư theo cấp phát. Bộ máy nhà nước đã từng bước chuyển sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành kinh doanh của cơ sở, chú ý xây dựng pháp luật về kinh tế.

Ở nông thôn, có điều chỉnh lớn, từ chỗ tập trung vào đẩy mạnh tập thể hoá, nay chuyển sang khoán hộ và điều chỉnh cơ chế khoán, hộ xã viên và gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao quyền sử dụng đất, bước đầu giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng lao động và vốn của nhân dân.

Trước đây, khi chỉ đạo cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, Đảng chủ trương sớm xoá bỏ nền kinh tế nhiều thành phần, sớm xác lập chế độ

công hữu chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân; phủ nhận về thực chất sản xuất hàng hóa, chậm xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp... Trong quan niệm mới, Đại hội VII xác định: Phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy hình thức phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu. Khi xác định những nội dung kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, Đảng đã vạch rõ những định hướng lớn trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Những nội dung chủ yếu của nền kinh tế ấy là: Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo vệ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Các hình thức sở hữu có thể hỗn hợp, đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh doanh đa dạng. Các doanh nghiệp, không phân biệt quan hệ sở hữu đều tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau, bình đẳng trước pháp luật⁹.

Sau 5 năm thực hiện đổi mới, Văn kiện Đại hội VII (1991), *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* đã khẳng định những thành công trong phát triển kinh tế - xã hội những năm 1986-1991 có nguyên nhân từ đổi mới tư duy về thời kỳ quá độ nói chung, đổi mới tư duy về kinh tế nói riêng, trong đó có KTTN. Đó là “*bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước*”; coi mô hình này “là một chủ trương chiến lược lâu dài trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”¹⁰. Đại hội VII đánh giá đặc điểm của từng thành phần kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân:

Về kinh tế cá thể: Từ sau Đại hội V, kinh tế cá thể bắt đầu được coi là một thành phần kinh tế. Đại hội VI gọi kinh tế cá thể là “kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa”, thừa nhận sự tồn tại của thành phần này, nhưng đặt ra yêu cầu hướng dẫn, giúp đỡ, vận động những người lao động cá thể đi vào làm ăn tập thể. Những nhà “tư sản nhỏ” được phép sản xuất kinh doanh, nhưng chỉ trong một số ngành nghề ở những nơi cần thiết. Đại hội VII xác định kinh tế cá thể là một thành phần còn có phạm vi hoạt động tương đối lớn, được phát triển trong các ngành nghề ở cả thành thị và nông thôn, không hạn chế việc mở rộng kinh doanh, có thể tồn tại độc lập, có thể tham gia các loại hình kinh tế khác.

Với chủ trương mới của Đảng về xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, trong nhận thức lý luận và thực tiễn, KTTN đã có bước chuyển biến. Tuy nhiên trên thực tế, môi trường kinh doanh vẫn chưa thực sự bình đẳng và bảo đảm. Người kinh doanh vẫn chưa thực sự tin tưởng KTTN được tồn tại và phát triển lâu dài. Do đó người bỏ vốn ra kinh doanh vẫn chưa nhiều.

Kinh tế tư bản tư nhân: Cho đến Đại hội VII, mặc dù đã được phép tồn tại, không còn là đối tượng phải xoá bỏ như trước đây, nhưng cũng chỉ được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh, được pháp luật quy định. Tư duy về kinh tế tư bản tư nhân của Đảng đã uyển chuyển hơn, cho phép kinh tế tư bản tư nhân trong quá trình phát triển có thể liên doanh với nhà nước hoặc nước ngoài và thuộc “thành phần tư bản nhà nước”¹¹.

Để tạo ra một môi trường (hệ sinh thái) phù hợp với việc phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, Đảng chủ trương “tiếp tục xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch và các công cụ khác”¹².

2. Kinh tế tư nhân: Từ thừa nhận và hạn chế hoạt động đến được coi là một bộ phận bình đẳng, quan trọng trong nền kinh tế quốc dân

Về mô hình nền kinh tế thị trường, Đại hội VIII (1996) của Đảng tiếp tục xác định: “thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần”¹³.

Thế chế hoá những chủ trương của Đảng, Quốc hội đã sửa đổi *Luật Doanh nghiệp*, thông qua *Luật Cạnh tranh*... góp phần hoàn thiện quan niệm về nền kinh tế thị trường, các loại thị trường và các thể chế thị trường định hướng XHCN.

Đảng tiếp tục thừa nhận thành phần kinh tế tư bản nhà nước, thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ, thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Các thành phần này được khuyến khích phát triển, được bảo hộ quyền sở hữu, bảo vệ lợi ích hợp pháp... và *quan trọng hơn là không nghiêm cấm các thành phần này hoạt động trong lĩnh vực lưu thông phân phối như trước đây*.

Quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần được Đại hội IX (2001) của Đảng tiếp tục nhất quán khẳng định. Cần khẳng định rằng, quan điểm phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở Đại hội IX và trong các nghị quyết hội nghị BCHTƯ khoá IX, vào thời điểm đó là *gần nhất với cách tiếp cận hoàn chỉnh về một mô hình kinh tế thị trường*. Lần đầu tiên, Đảng đưa ra quan niệm “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN; đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng XHCN*”¹⁴ và coi đây là “*mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*”¹⁵. Đây là một sự thay đổi căn bản, bước tiến dài trong tư duy tiệm tiến về đổi mới kinh tế của Đảng, phát triển một quan điểm lý luận mới về cơ sở kinh tế thời kỳ quá độ lên CNXH, từ

nền kinh tế “hàng hóa” đến nền kinh tế “thị trường” của CNXH; góp phần vào việc hình thành hệ thống quan điểm về mô hình CNXH ở một nước đang phát triển trong thời đại toàn cầu hóa. Đi kèm với tư duy “nền kinh tế thị trường”, Đảng đã phát triển tư duy về “các loại thị trường” (hàng hóa, vốn, lao động, bất động sản, khoa học - công nghệ...), coi đó là một tất yếu của quá trình xây dựng nền tảng kinh tế của CNXH (cách tiếp cận này dẫn đến tư duy đột phá về thể chế tại Đại hội XI, trong đó khâu đột phá quan trọng là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN).

Như vậy, Đại hội IX của Đảng đã đưa thành phần KTTN thành một bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đã định hướng sự phát triển kinh tế từ “hàng hóa” chung chung sang “thị trường”, nghĩa là một nền kinh tế hàng hoá nhưng đã phát triển ở giai đoạn cao. Quan điểm đó vừa thể hiện tầm nhìn, vừa có thể khắc phục sự lãng phí nguồn lực để xây dựng một nền kinh tế hàng hoá giai đoạn thấp - tiền TBCN, mà biểu hiện cụ thể và phổ biến của nó là các loại quan hệ kinh tế ngầm, manh mún, tản mạn, phi thể chế, không được kiểm soát bởi Nhà nước và xã hội.

Để có được nhận thức như vậy, Đảng đã phải trải qua một khoảng thời gian hơn 20 năm, từ Đại hội V (1982) và thậm chí còn trước đó nữa, từ HNTU 6 khoá IV (1979).

Tính từ Đại hội III (1960) đến Đại hội IX (2001), tức là hơn 40 năm bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH, lần đầu tiên Đảng xác định mọi thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN (tức là nền kinh tế quốc dân), cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với

kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Lần đầu tiên, trong văn kiện HNTU 5 khoá IX (3-2002) đã đưa khái niệm “*thể nhân*” vào tư duy kinh tế của Đảng (nhưng từ đó đến nay khái niệm quan trọng này lại hầu như không được bàn tới nữa), mở ra một thời kỳ mới, cụ thể hóa quyền kinh tế của công dân, nếu được luật hóa thì đó là căn cứ pháp lý quan trọng để bảo đảm quyền hoạt động kinh tế của công dân, quyền dân chủ trong đời sống kinh tế, góp phần hoàn thiện các thể chế thị trường. Quan niệm về sở hữu và các hình thức sở hữu cũng có những bước phát triển phù hợp hơn với thực tiễn khách quan của thời kỳ quá độ, khắc phục được quan niệm máy móc, xơ cứng. Đảng xác định: “Từ các hình thức sở hữu cơ bản: *sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân* hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp”¹⁶. Thành phần kinh tế tư bản tư nhân, từ chỗ phải xóa bỏ trong hoạt động lưu thông phân phối (Đại hội VI) đến được phép hoạt động trong những lĩnh vực mà pháp luật cho phép (Đại hội VII), và đến Đại hội IX, được khuyến khích phát triển trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. “Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao nội lực đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế”¹⁷. Đại hội IX và các HNTU khoá IX cũng đã chú trọng đến phát triển đa dạng kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể, thành phần kinh tế có 100% vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

Nếu coi thể chế nền kinh tế thị trường là hệ “sinh thái” của các thành phần kinh tế, trong đó có KTTN, thì đến Đại hội IX, ở Việt Nam mới

bắt đầu xuất hiện hệ “sinh thái” ấy. Trong lúc trên thế giới, đặc biệt là các nước phát triển, hệ “sinh thái” ấy đã tồn tại hàng trăm năm. Về thành tựu tư duy và phát triển kinh tế trong nhiệm kỳ Đại hội IX, được Đại hội X (2006) của Đảng ghi nhận: “Thế chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng. Thị trường hàng hóa phát triển tương đối nhanh; một số loại thị trường mới đã hình thành”¹⁸.

Quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế nói chung, phát triển KTTN nói riêng tại Đại hội IX có bước nhảy vọt:

Thứ nhất, đã khái quát nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, và coi đó là mô hình kinh tế tổng quát của cả thời kỳ quá độ.

Thứ hai, lần đầu tiên Đảng chủ trương xây dựng cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật; tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước; giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Tách chức năng quản lý hành chính của Nhà nước khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, xóa bỏ “chế độ chủ quản”; phát huy những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, triệt để xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra mọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, chống buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại. Hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh...

Thứ ba, Đảng xác định trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có ba chế độ sở hữu: Sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, từ đó hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế. Trên chế độ sở hữu

tư nhân, có nhiều thành phần kinh tế: cá thể, tiểu chủ; tư bản tư nhân; tư bản nhà nước; kinh tế 100% vốn đầu tư nước ngoài; kinh tế cổ phần, hỗn hợp (trong đó có vốn của tư nhân)...

Thứ tư, khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Phát triển đa dạng kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh. Tạo điều kiện để kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển thuận lợi, hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm. Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ năm, chủ trương tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng XHCN, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ, thị trường bảo hiểm...

Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 18-3-2002, HNTU 5 khóa IX “về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân” là sự tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và toàn diện quan điểm của Đảng về KTTN. Nghị quyết này đã chính thức cho phép đảng viên làm KTTN.

Tại Đại hội X, Đảng xác định: “Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”. Đảng yêu cầu “Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu”. Đảng đã bắt đầu hình thành Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp (cả công và

tư). Chủ trương “xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, trong đó chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên hình thức cổ phần”, “tôn vinh các doanh nhân có tài, có đức và thành đạt”¹⁹.

3. Kinh tế tư nhân: Từ “bộ phận quan trọng” đến “động lực quan trọng”

Đại hội XI (2011) của Đảng diễn ra vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội X và đã trải qua 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, 10 năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010*.

Đại hội XI thông qua 2 văn kiện quan trọng là *Báo cáo chính trị và Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*. Trong 2 văn kiện này, quan điểm của Đảng về KTTN và nền kinh tế thị trường định hướng XHCN được phát triển và hoàn thiện thêm, coi “Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế”. Báo cáo chính trị nhấn mạnh chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN theo hướng: “Phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội. Mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo”²⁰.

Đại hội XII (2016) của Đảng, tiếp tục làm sâu sắc và cụ thể hoá thêm những quan điểm đã nêu ra tại Đại hội XI và trong *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*. Lần đầu tiên Đại hội

đã đưa ra định nghĩa, chức năng và phương thức vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN một cách đầy đủ nhất so với trước đó, làm cơ sở để thống nhất nhận thức trong Đảng và trong toàn xã hội. Trong đó Đảng ta tiếp tục khẳng định vị trí và vai trò của KTTN.

Về định nghĩa, Đại hội nêu rõ: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN “Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo”²¹.

Về cơ chế vận hành, Đảng quan niệm: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Về vai trò, chức năng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam, Đảng coi thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; KTTN là một động lực quan trọng của nền kinh tế²².

Ngoài Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3-6-2017, HNTU 5 khóa XII tiếp tục nhấn mạnh việc hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh

KTTN ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế. Nghị quyết khẳng định: *Phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN*. Nghị quyết chủ trương xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để KTTN phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm.

Các quan điểm về KTTN của Đảng được tiếp tục khẳng định về tinh thần và nội dung trong Văn kiện Đại hội XIII (2021). Đặc biệt, trong nhiệm kỳ này, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 10-10-2023, nghị quyết đầu tiên về “xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới”. Nghị quyết nhấn mạnh việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nhân, khẳng định vai trò nòng cốt của doanh nhân trong CNH, HĐH.

4. Kỷ nguyên phát triển mới và kinh tế tư nhân là “Một động lực quan trọng nhất”

Trong Dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng, quan điểm về KTTN của Đảng có bước phát triển mới: “Phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế”²³.

Để chuẩn bị cho kỷ nguyên phát triển mới, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4-5-2025 “về phát triển kinh tế tư nhân”, trong đó khẳng định những quan điểm chỉ đạo có tính đột phá:

1) Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, CNH, HĐH, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững; cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, KTTN giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả,

đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng.

2) Phát triển KTTN nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao vừa là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài; cần được cụ thể hóa trong các chiến lược, chính sách phát triển của đất nước.

3) Xóa bỏ triệt để nhận thức, tư tưởng, quan niệm, thái độ định kiến về KTTN Việt Nam; xác định doanh nhân là người chiến sĩ trên mặt trận kinh tế; bảo đảm và bảo vệ đầy đủ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng, quyền và cơ hội tiếp cận các nguồn lực của nền kinh tế; được tự do kinh doanh các ngành nghề pháp luật không cấm...

4) Tạo môi trường kinh doanh đột phá, thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Khuyến khích KTTN tham gia vào các nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của quốc gia và vươn tầm khu vực, thế giới; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số và làm giàu hợp pháp, chính đáng.

5) Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, kiến tạo của Nhà nước, lấy doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân có đạo đức, văn hóa kinh doanh, bản lĩnh, trí tuệ, năng động, sáng tạo, nỗ lực vươn lên; tôn vinh, cổ vũ, phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, khát vọng cống hiến, thượng tôn pháp luật, tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội.

Sau 40 năm đổi mới, KTTN đã từng bước phát triển. Khu vực KTTN hiện có 940.000 doanh nghiệp, hơn 5 triệu hộ kinh doanh đang hoạt động, đóng góp khoảng 50% GDP, hơn 30% tổng thu ngân sách nhà nước và sử dụng khoảng 82% tổng số lao động, là lực lượng

quan trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, gia tăng năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần xóa đói, giảm nghèo, ổn định đời sống xã hội. Nhiều doanh nghiệp tư nhân đã phát triển lớn mạnh, khẳng định thương hiệu và vươn ra thị trường khu vực, thế giới²⁴. Nghị quyết số 68/NQ-TW “về kinh tế tư nhân” xác định mục tiêu đến năm 2030, KTTN là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đến năm 2045, KTTN Việt Nam phát triển nhanh, mạnh, bền vững, chủ động tham gia vào chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu; có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế; có ít nhất 3 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế; đóng góp khoảng trên 60% GDP.

Sự phát triển quan điểm của Đảng về các thành phần kinh tế là một trong những nội dung quan trọng nhất, thể hiện năng lực sáng tạo trong đổi mới tư duy lý luận về mô hình kinh tế của CNXH, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Là quá trình chuyển dịch từ tư duy về mô hình kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp, dựa trên hai hình thức sở hữu (toàn dân và tập thể) và tương ứng với nó là hai thành phần kinh tế cơ bản (nhà nước và tập thể), sang thừa nhận và phát huy vai trò của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, dựa trên nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần; trong đó nhận thức về vai trò của KTTN không ngừng đổi mới và ngày càng phù hợp hơn với vị trí, vai trò của thành phần KTTN trong mô hình nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hiện đại, độc lập, tự chủ, phát triển nhanh, xanh, bền vững.

Các quan điểm của Đảng được thể chế hóa, cụ thể hóa trong hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, được nhân dân hưởng ứng, tích cực

thực hiện, trở thành động lực lớn của đất nước và tạo nên những thành tựu phát triển có ý nghĩa lịch sử của dân tộc Việt Nam trong 40 năm đổi mới.

1, 24. Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 4-5-2025 của Bộ Chính trị “về phát triển kinh tế tư nhân”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-68-nqtw-ngay-452025-cua-bo-chinh-tri-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-11562>

2. Dựa trên bảng xếp hạng VNR500 năm 2025 và các dữ liệu kinh tế mới nhất, tại Việt Nam hiện nay, các tập đoàn kinh tế tư nhân đóng vai trò là “đầu tàu” quan trọng, đóng góp khoảng 45% GDP và tạo ra hơn 85% việc làm cho xã hội; chiếm khoảng 40% vốn đầu tư toàn xã hội. Top 12 tập đoàn tư nhân lớn nhất Việt Nam hiện nắm giữ khối tài sản khoảng 70 tỷ USD

3, 4, 5, 6, 7, 8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb ST, H, 1987, tr. 9, 19, 22, 22, 23, 27

9, 10, 11, 12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb ST, H, 1991, tr. 116-118, 21, 118, 118

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 91

14, 15, 16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 86, 88, 96

17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ khóa IX*, Nxb CTQG, H, 2002, tr. 57-58

18, 19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2018, T. 65, tr. 169, 188-189

20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 205

21, 22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 102-103, 102-103

23. <https://nhandan.vn/du-thao-bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-post915432.html>, ngày đăng 15-10-2025.